

BÁO CÁO

Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2023 và giải pháp thực hiện năm 2024

Căn cứ quy định của Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí số 44/2013/QH11 ngày 26/11/2013; Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội; Thông tư số 188/2014/TT-BTC ngày 10/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ; Thông tư số 129/2017/TT-BTC ngày 04/12/2017 của Bộ Tài chính quy định tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên; Văn bản số 638/BTC-TTr ngày 16/01/2024 của Bộ Tài chính về việc báo cáo kết quả thực hiện Luật thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong năm 2023; UBND tỉnh Bình Định kính báo cáo Bộ Tài chính về kết quả thực hiện công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (viết tắt: THPTK, CLP) năm 2023 và một số nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện năm 2024 kèm theo Bảng tiêu chí đánh giá kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên năm 2023, cụ thể như sau:

I. Công tác chỉ đạo, điều hành và tổ chức THPTK, CLP

1. Công tác tuyên truyền, phổ biến, quán triệt chủ trương của Đảng, quy định của pháp luật về THPTK, CLP

Căn cứ các chủ trương¹ của Đảng, pháp luật của Nhà nước và thực hiện Quyết định số 1658/QĐ-TTg ngày 30/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình tổng thể về THPTK, CLP năm 2023; theo đó, các cấp ủy đảng, chính quyền địa phương đã tiếp tục đẩy mạnh phổ biến, quán triệt tinh thần THPTK, CLP thông qua nhiều hình thức như: tổ chức hội nghị, lồng ghép trong các buổi học tập Nghị quyết của Trung ương và đưa nội dung THPTK, CLP vào tiêu chí đánh giá, xếp loại cuối năm... từ đó, có tác dụng nâng cao ý thức thực hành tiết kiệm, ngăn chặn hành vi lãng phí.

¹ Kết luận số 01-KL/TW ngày 18/5/2021 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị khóa XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; Kết luận số 12-KL/TW ngày 06/4/2022 của Bộ Chính trị về tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; Kế hoạch số 16-KH/TU ngày 05/4/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí

2. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình THPTK, CLP

Trên cơ sở Chương trình tổng thể về THPTK, CLP năm 2023 của Chính phủ, UBND tỉnh ban hành Quyết định số 257/QĐ-UBND ngày 30/01/2023 về Chương trình THPTK, CLP của tỉnh Bình Định năm 2023 với những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể để thực hiện Chương trình; đồng thời, quyết liệt chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức điều hành, quản lý chi ngân sách chặt chẽ, tiết kiệm, tuân thủ dự toán ngân sách, tăng cường quản lý, sử dụng vốn đầu tư công, quyết liệt thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công, đảm bảo thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh giao như: thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp theo Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, phấn đấu thực hiện cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, góp phần đạt tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm địa phương (GRDP) đạt khoảng 7,0-7,5%, tổng kim ngạch xuất khẩu đạt 1.600 triệu USD và phấn đấu đạt tổng thu ngân sách trên địa bàn 13.650 tỷ đồng.

Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị địa phương tổ chức đẩy mạnh triển khai thi hành hiệu quả Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công,... và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật; tăng cường quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên, khoáng sản. Qua đó, góp phần quản lý chặt chẽ, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài sản công, nguồn lực đất đai được quản lý, khai thác bảo đảm tiết kiệm, bền vững, hiệu quả cao nhất; bảo đảm phòng, chống thất thoát, lãng phí, phát huy nguồn lực nhằm phát triển kinh tế - xã hội.

3. Công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát về THPTK, CLP

Trong năm 2023, trên địa bàn tỉnh đã tiến hành 90 cuộc thanh tra hành chính và 1.414 cuộc kiểm tra, thanh tra chuyên ngành, phát hiện vi phạm về kinh tế 12,215 tỷ đồng và 9.360 m² đất các loại. Xử lý thu hồi về cho Nhà nước 9,924 tỷ đồng và 8.069 m² đất các loại, kiến nghị xử lý hình thức khác 2.291 triệu đồng và 1.291 m² đất các loại, kiến nghị kiểm điểm, xử lý hành chính 12 tập thể và 41 cá nhân. Riêng Thanh tra tỉnh tiến hành 14 cuộc (*trong đó: 05 cuộc chuyển tiếp từ năm 2022, 09 cuộc của năm 2023*) tại 63 đơn vị, đã kết thúc, ban hành Kết luận thanh tra 11 cuộc, phát hiện vi phạm về kinh tế 8,218 tỷ đồng, xử lý thu hồi về cho Nhà nước 7,425 tỷ đồng, kiến nghị xử lý khác về kinh tế 0,793 tỷ đồng.

Đồng thời, Thanh tra tỉnh đã tăng cường thanh tra trách nhiệm quản lý nhà nước, nhất là các lĩnh vực dư luận xã hội quan tâm: quản lý đầu tư công; quản lý tài chính và ngân sách nhà nước; mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công; quản lý, sử dụng đất đai, khai thác tài nguyên khoáng sản; việc thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, chính sách bảo đảm an sinh xã hội; những vấn đề nổi cộm, bức xúc, nhằm kịp thời phát hiện các hành vi phạm pháp luật về THPTK, CLP, kiến nghị xử lý nghiêm theo phạm pháp luật. Tuy nhiên, qua thanh tra chưa phát hiện trường hợp nào có hành vi vi phạm quy định của pháp luật về THPTK, CLP.

II. Tình hình, kết quả THPTK, CLP năm 2023

1. Kết quả thực hiện

a) Trong việc ban hành, thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ

Trong năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành theo thẩm quyền 71 văn bản chỉ đạo điều hành và 61 văn bản quy phạm pháp luật để sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ một số chế độ, chính sách, định mức trong từng ngành, lĩnh vực liên quan đến việc THPT, CLP tạo cơ sở cho việc thực hiện, giám sát, đánh giá kết quả triển khai chủ trương tiết kiệm, chống lãng phí của Nhà nước (*Chi tiết phụ lục 01 gửi kèm*).

Các văn bản quy định về định mức, tiêu chuẩn, chế độ được dự thảo và lấy ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan, có ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp trước khi trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành đúng quy định của pháp luật, đảm bảo tiết kiệm ngay từ khâu xây dựng và hiệu quả khi áp dụng.

b) Trong lập, thẩm định, phê duyệt dự toán, quyết toán, quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước

Thực hiện Nghị Quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 và quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh². Dự toán ngân sách nhà nước được xây dựng và giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương đảm bảo đúng quy định của Luật NSNN trên cơ sở bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phù hợp với khả năng ngân sách và nhiệm vụ, hoạt động trọng tâm của từng cơ quan, đơn vị, đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, định mức theo quy định, tiết kiệm, hiệu quả, chống lãng phí trong việc sử dụng ngân sách nhà nước. Cụ thể:

Ngay từ khâu giao dự toán, đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên là 172,510 tỷ đồng, trong đó: ngân sách tỉnh 94,533 tỷ đồng, ngân sách huyện 77,978 tỷ đồng; ngoài ra, kết quả tiết kiệm trong chi quản lý hành chính của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh ước thực hiện là 42,930 tỷ đồng, tăng 1,8% so với cùng kỳ;

Trong việc điều hành ngân sách địa phương, UBND tỉnh đã thực hiện theo hướng tăng tỷ trọng trong chi đầu tư phát triển, giảm tỷ trọng chi thường xuyên; theo đó, trong tổng chi ngân sách địa phương năm 2023, tỷ trọng chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 32,36% (5.921,34 tỷ đồng/18.300,94 tỷ đồng), chi thường xuyên bình quân khoảng 42,56% (8.685,125 tỷ đồng/18.300,94 tỷ đồng) đảm bảo theo tinh thần chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và UBND tỉnh³;

² Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 4179/QĐ-UBND ngày 12/12/2021 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2023; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 04/01/2023 của UBND tỉnh giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và giải pháp chủ yếu, nhiệm vụ cụ thể thực hiện kế hoạch phát triển - xã hội năm 2023 trên địa bàn tỉnh.

³ Quyết định số 368/QĐ-TTg ngày 21/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Chiến lược tài chính đến năm 2030; Quyết định số 1739/QĐ-UBND ngày 01/06/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược tài chính đến năm 2030 địa bàn tỉnh Bình Định (giai đoạn 2021 - 2025).

Đồng thời, thực hiện các Nghị định của Chính phủ⁴ về quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập, trên cơ sở đó, số kinh phí các đơn vị đã được cấp có thẩm quyền giao tự chủ dự kiến tiết kiệm được sau khi thực hiện các nhiệm vụ được giao là 328 tỷ đồng.

Đối với Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách: hiện tại, địa phương có 16 Quỹ hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, việc quản lý, sử dụng nguồn vốn của các Quỹ cơ bản phù hợp quy định của Luật NSNN và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Đồng thời, trong năm 2023, Kiểm toán nhà nước Khu vực III đã kiểm toán chuyên đề các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách của địa phương; theo đó, đã đánh giá công tác điều hành, quản lý các Quỹ cơ bản đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả, hoạt động của các quỹ (đặc biệt là Quỹ Đầu tư phát triển) thời gian qua đã thể hiện là công cụ huy động vốn hiệu quả, đáp ứng mục tiêu thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế tư nhân tham gia đầu tư phát triển trong các lĩnh vực kết cấu hạ tầng ưu tiên, hướng đến hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Nhìn chung, trong năm 2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục được sự kiểm tra, giám sát của cơ quan cấp trên, cơ quan tài chính và kho bạc nhà nước các cấp nên đã góp phần vào việc thực hiện dự toán chi chặt chẽ, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, đồng thời tiết kiệm, ngăn ngừa hành vi tham nhũng, lãng phí; đã bám sát theo dự toán được HĐND các cấp thông qua.

c) Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại và phương tiện, thiết bị làm việc của cơ quan, tổ chức trong khu vực nhà nước

- Việc mua sắm tài sản đảm bảo định mức, tiêu chuẩn theo các quy định⁵. Đối với mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung quy định tại Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ được thực hiện thống nhất từ Trung ương đến địa phương, đây là giải pháp quan trọng để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và lãng phí trong việc mua sắm tài sản nhà nước. Để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, UBND tỉnh đã nhiều lần ban hành mới hoặc

⁴ Nghị định số 43/2006/NĐ-CP ngày 25/4/2006, Nghị định số 16/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015, Nghị định số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016, Nghị định số 54/2016/NĐ-CP ngày 14/6/2016, Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 15/8/2021.

⁵ Nghị định số 04/2019/NĐ-CP ngày 11/01/2019 của Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng xe ô tô; Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị; Quyết định 06/2019/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định 53/2019/QĐ-UBND ngày 19/11/2019 của UBND tỉnh Bình Định ban hành quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định; Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định 01/2021/QĐ-UBND ngày 07/01/2021 của UBND tỉnh bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định 67/2021/QĐ-UBND ngày 10/11/2021 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định; Quyết định số 63/2022/QĐ-UBND ngày 19/9/2022 của UBND tỉnh bổ sung một số điều của Quyết định số 49/2019/QĐ-UBND ngày 11/9/2019 của UBND tỉnh Bình Định quy định tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định

sửa đổi, bổ sung danh mục tài sản mua sắm tập trung và phân công đơn vị mua sắm tập trung trên địa bàn tỉnh Bình Định đảm bảo đúng quy định. Hiện nay, toàn tỉnh hiện có 04 cơ quan, đơn vị được UBND tỉnh giao thực hiện nhiệm vụ mua sắm tập trung của tỉnh gồm: Sở Tài chính, Sở Giáo dục và Đào tạo, Bệnh viện Mắt, Bệnh viện đa khoa tỉnh và thực hiện mua sắm theo quy định của pháp luật về đấu thầu, triển khai đấu thầu qua mạng đúng theo lộ trình Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định. Trong năm 2023, 04 đơn vị đã hoàn thành đấu thầu 12 gói thầu mua sắm tài sản nhà nước theo phương thức tập trung với tổng giá trị dự toán được duyệt là 180,598 tỷ đồng, tổng giá trị trúng thầu là 147,233 tỷ đồng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 33,365 tỷ đồng.

- Việc quản lý và sử dụng tài sản công: Trên cơ sở các quy định của trung ương, tài sản công được phân cấp quản lý và sử dụng theo đúng quy định⁶, đúng mục đích, tiết kiệm, chống lãng phí và có hiệu quả, đảm bảo phục vụ tốt cho công tác chuyên môn; không sử dụng vào mục đích cá nhân; được bảo trì, bảo dưỡng và kiểm kê định kỳ hằng năm.

- Trong mua sắm, sử dụng phương tiện đi lại: Năm 2023, toàn tỉnh đã mua sắm 30 xe ô tô thông qua hình thức đấu thầu (gồm: 07 xe phục vụ công tác chung và 23 xe chuyên dùng); thanh lý 12 xe ô tô (gồm: 07 xe phục vụ công tác chung và 05 xe chuyên dùng). Đến nay, đã hoàn thành việc mua sắm 26 xe với tổng số tiền là 41,509 tỷ đồng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 0,239 tỷ đồng. Công tác sắp xếp lại, xử lý xe ô tô dôi dư, không đảm bảo điều kiện sử dụng, quá niên hạn sử dụng và đủ điều kiện thanh lý: trong năm đã thực thanh lý xe ô tô theo hình thức bán đấu giá công khai; hiện tại, đã bán xong 10 xe với tổng số tiền thu được là 1,101 tỷ đồng, tăng 0,506 tỷ đồng so với giá khởi điểm.

Nhìn chung, công tác mua sắm, quản lý sử dụng tài sản công trong năm 2023 của địa phương đã thực hiện theo đúng các quy định của nhà nước, tiết kiệm, hiệu quả góp phần chống lãng phí cho ngân sách nhà nước trong lĩnh vực này.

d) Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng

- Về quản lý vốn đầu tư xây dựng:

Việc phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công của địa phương đảm bảo theo đúng nguyên tắc, tiêu chí quy định của Luật Đầu tư công, Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 60/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh về phân bổ kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023; bao gồm: kế hoạch của các nhiệm vụ, dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao và kế hoạch vốn của nhiệm vụ, dự án thuộc Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội. Trong đó, ưu tiên cho các dự án hoàn thành chuyển tiếp đã bố trí trong kế

⁶ Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về quy định phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của tỉnh Bình Định, Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 25/7/2022 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 27/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018

hoạch năm 2021, năm 2022. Đối với các dự án khởi công mới thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau: Đề án, dự án thuộc lĩnh vực giáo dục, y tế; Dự án xử lý môi trường, nước sạch; Dự án quan trọng, cấp thiết cần triển khai thực hiện; các dự án cấp huyện đã được bố trí trong kế hoạch trung hạn nhưng chưa triển khai...

Để hoàn thành kế hoạch năm 2023, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 10/4/2023 về đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý năm 2023, theo đó đưa ra các mục tiêu, yêu cầu quy định mức giải ngân theo từng mốc thời gian cho từng nhóm công trình cụ thể⁷ và đề ra các giải pháp để thực hiện. Qua đó, kết quả giải ngân vốn đầu tư công của địa phương đến 31/12/2023 là 7.728 tỷ đồng, đạt tỷ lệ giải ngân 80,22% so với kế hoạch HĐND tỉnh giao (7.728 tỷ đồng/ 9.634 tỷ đồng) và đạt 101,29% so với kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao (7.728 tỷ đồng/7.631 tỷ đồng).

Việc đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công đạt tỷ lệ cao so với kế hoạch đã góp phần sớm đưa các dự án, công trình vào hoạt động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và góp phần chống lãng phí trong sử dụng vốn đầu tư công.

- Đối với công tác thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành: Đến ngày 31/12/2023, UBND tỉnh đã phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành cho 181 dự án với tổng giá trị là 3.038 tỷ đồng, giá trị bình quân thẩm tra, phê duyệt quyết toán là 16,76 tỷ đồng/1 công trình. Tổng số kinh phí tiết kiệm cho ngân sách nhà nước là 4,2 tỷ đồng, số quyết toán giảm so với chủ đầu tư đề nghị.

Việc sử dụng vốn đầu tư xây dựng của địa phương được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Trung ương với tinh thần hiệu quả, tiết kiệm, chống lãng phí.

- Việc quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng:

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công, Nghị định 67/2021/NĐ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ, theo đó, tổng số cơ sở nhà, đất của địa phương thuộc phạm vi, đối tượng sắp xếp lại, xử lý là 3.809 cơ sở, UBND tỉnh đã ban hành phương án sắp xếp đối với 3.482 cơ sở⁸ (chiếm khoảng 92%), Tới thời điểm hiện nay, tổng số tiền đã nộp vào ngân sách nhà nước thông qua công tác bán đấu giá tài sản công là trụ sở làm việc sau khi thực hiện công tác sắp xếp lại, xử lý nhà, đất: 206,4 tỷ đồng (*trong năm 2023, thực hiện bán 5 ngôi nhà với số tiền nộp vào ngân sách tỉnh là 65 tỷ đồng*). Đồng thời, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 124/KH-UBND ngày 05/7/2023 về sắp xếp lại, xử lý các cơ sở nhà, đất của cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý nhưng chưa được UBND tỉnh

⁷ Tỷ lệ giải ngân đến hết quý II/2023 đạt trên 40%, hết quý III/2023 đạt trên 60%; đến hết quý IV/2023 đạt trên 90% (riêng kế hoạch vốn năm 2022 được cấp thẩm quyền cho phép kéo dài sang năm 2023 đạt 100%) và đến hết ngày 31/01/2024 phần đầu giải ngân 100% vốn đầu tư công được Thủ tướng Chính phủ giao kế hoạch vốn năm 2023.

⁸ Giữ lại tiếp tục sử dụng: 3.299 cơ sở, thu hồi: 38 cơ sở, điều chuyển: 63 cơ sở, chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 66 cơ sở, bán tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất: 16 cơ sở.

phê duyệt phương án xử lý theo quy định (322 cơ sở còn lại), UBND tỉnh đang xem xét, phê duyệt để có cơ sở triển khai thực hiện trong năm 2024.

đ) Trong quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên

- Trong quản lý, sử dụng đất:

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất luôn đảm bảo nguyên tắc “sử dụng đất tiết kiệm và có hiệu quả”; đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu sử dụng đất lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng do Chính phủ phân bổ; công tác giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đảm bảo phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất. Bên cạnh đó, đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn xây dựng kế hoạch và tổ chức thanh tra, kiểm tra việc sử dụng đất của các doanh nghiệp được nhà nước giao, cho thuê, tránh hiện tượng lãng phí trong sử dụng đất. Qua công tác kiểm tra của cơ quan chuyên môn được giao nhiệm vụ, năm 2023 trên địa bàn tỉnh có 03⁹ doanh nghiệp chậm đưa đất vào sử dụng và đã có biện pháp xử lý cho gia hạn (24 tháng) và thu tiền thuê đất đối với thời gian gia hạn và ban hành Quyết định thu hồi đất 01 trường hợp (*Công ty cổ phần Xây dựng 47 thực hiện dự án Khu du lịch sinh thái hồ Định Bình tại xã Vĩnh Hiệp, huyện Vĩnh Thạnh*).

Trên cơ sở đó, số thu tiền sử dụng đất nộp ngân sách nhà nước đến hết năm 2023 là 4.954 tỷ đồng, đạt 90,1% dự toán năm; số thu tiền thuê đất 818 tỷ đồng, đạt 100,6% dự HĐND tỉnh giao.

Trong quản lý các Khu công nghiệp (viết tắt: KCN) trên địa bàn tỉnh: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 14 KCN, với tổng diện tích hơn 4.500 ha. Trong đó, 07 KCN đã đi vào hoạt động, với diện tích hơn 2.850 ha (*có 03 KCN nằm trong Khu kinh tế Nhơn Hội gồm: KCN Becamex - VSIP Bình Định, KCN Nhơn Hội A, KCN Nhơn Hội B*), 03 KCN: Cát Trinh, Bình Nghi, Long Mỹ 2 đang trong giai đoạn hoàn thiện các thủ tục trình bộ, ngành Trung ương thẩm định để trình Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư và 04 KCN quy hoạch mới gồm: KCN thuộc Liên hợp gang thép Long Sơn, thị xã Hoài Nhơn, với diện tích 100 ha; KCN phía Nam Quốc lộ 19, thị xã An Nhơn, diện tích 160 ha; KCN Tây Giang, huyện Tây Sơn, diện tích 300 ha; KCN ven biển Phù Mỹ, diện tích 400 ha.

Lũy kế đến nay, trên địa bàn các KCN đã thu hút 369 dự án công nghiệp, với tổng vốn đầu tư 49.054 tỷ đồng, vốn đã thực hiện 28.959 tỷ đồng, đạt 60% (*trong đó, có 38 dự án có vốn đầu tư nước ngoài, với tổng vốn đăng ký đầu tư 848 triệu USD*); đã đi vào hoạt động 310 dự án/201 doanh nghiệp, tạo việc làm cho khoảng 22.000 lao động; tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm: Doanh thu tăng 14,4%, kim ngạch xuất khẩu tăng 16,4%, chiếm khoảng 35% tổng kim ngạch xuất khẩu toàn tỉnh, thu ngân sách khoảng 1.000 tỷ đồng/năm. Đa số các dự án thu hút đầu tư mới vào KCN đều có quy mô tương đối lớn, công nghệ hiện đại và thân thiện với môi trường; các dự án có vốn đầu tư nước ngoài có xu hướng tăng trong những năm gần đây.

⁹ Doanh nghiệp tư nhân Dịch vụ Tổng hợp Minh Kiệt, Công ty TNHH MTV Năng lượng An Việt Phát Tây Sơn, Công ty TNHH Nhơn Hai Mít.

- Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khoáng sản:

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 140 giấy phép khai thác khoáng sản (134 giấy phép do UBND tỉnh cấp và 6 giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp) còn hiệu lực hoạt động¹⁰. Hoạt động khai thác khoáng sản của tỉnh dần dần đi vào chiều sâu, quy mô công nghiệp được thay thế kiểu khai thác nhỏ lẻ trước đây nên sản lượng, giá trị và nguồn thu từ khai thác, chế biến khoáng sản tăng lên và giải quyết nhiều việc làm cho lao động, góp phần vào việc phát triển kinh tế xã hội của tỉnh. Thực hiện thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm 2023 là 66,08 tỷ đồng, tăng 1,7% so với dự toán HĐND tỉnh giao.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế về quy hoạch, quản lý thăm dò, khai thác khoáng sản, theo đó UBND tỉnh đã có những chỉ đạo quyết liệt, qua đó đạt được nhiều kết quả đáng kể và đã có báo cáo HĐND tỉnh tại Báo cáo số 203/BC-UBND ngày 20/11/2023 kết quả thực hiện các Nghị quyết chuyên đề của Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh trong đó có Nghị quyết số 76/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 của HĐND tỉnh về giám sát chuyên đề công tác quản lý, cấp phép khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2021.

- Trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên rừng: UBND tỉnh đã tích cực tăng cường công tác bảo vệ và phát triển rừng, trong đó có rừng đầu nguồn, rừng phòng hộ ven biển, rừng đặc dụng, thực hiện nghiêm việc đóng cửa rừng tự nhiên và các quy định về bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Đến nay, độ che phủ rừng của tỉnh đạt 56,9%.

Nhìn chung, năm 2023 công tác quản lý, khai thác, sử dụng đất đai, tài nguyên thiên nhiên của địa phương được thực hiện theo các quy định.

e) Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động trong khu vực nhà nước

Thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; trên cơ sở đó, tới thời điểm hiện nay về cơ bản địa phương đã hoàn thành việc sắp xếp tổ chức bộ máy, cụ thể: toàn tỉnh đã giảm 51 phòng và chi cục tương đương so với năm 2015; trong đó: giảm 17 phòng thuộc cơ quan chuyên môn và 34 phòng thuộc Chi cục; giữ nguyên 135 phòng chuyên môn¹¹ thuộc UBND cấp huyện. Trong năm 2023, đã phê duyệt Phương án sắp xếp, tổ chức lại các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Thư viện tỉnh, Bảo tàng tỉnh Bình Định thuộc Sở Văn hóa và Thể thao, kết quả giảm 03 đơn

¹⁰Đá làm vật liệu xây dựng (bao gồm đá xay nghiền và đá làm VLXD thông thường có thu hồi đá khối) có 54 giấy phép (UBND tỉnh cấp 51 giấy phép, Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp 03 giấy phép), 39 giấy phép khai thác cát (02 giấy phép cát làm khuôn đúc, 32 giấy phép cát sỏi lòng sông, 02 giấy phép cát tô, 03 giấy phép khai thác cát trong quá trình nạo vét khơi thông dòng chảy), đất san lấp 41 giấy phép, đất sét 03 giấy phép, 02 giấy phép khai thác titan, 01 giấy phép khai thác nước khoáng.

¹¹ Trong đó 03 huyện (Vân Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão) có cơ quan đặc thù là Phòng Dân tộc;

vị cấp phòng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập và không thành lập Đội quản lý trật tự đô thị các huyện.

Về kết quả thực hiện tinh giản biên chế: UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 173/KH-UBND ngày 30/12/2022 về việc quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 4507/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 về việc giao biên chế công chức và số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh năm 2023, theo đó: tổng số biên chế công chức trong các cơ quan hành chính là 2.187 biên chế (giảm 18 biên chế so với năm 2022); tổng số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong các đơn vị sự nghiệp công lập là 25.938 người (giảm 541 người so với năm 2022); giao số người làm việc hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên là 362 người.

Đồng thời, trong năm 2023 đã thực hiện giải quyết chính sách tinh giản biên chế theo các Nghị định của Chính phủ số: 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014, 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018, 143/2020/NĐ-CP ngày 10/12/2020 cho 40 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện (trong đó có 08 cán bộ, công chức; 32 viên chức) với tổng số kinh phí là 6,616 tỷ đồng¹².

Về kiểm soát quy định thủ tục hành chính (TTHC): trong năm 2023, UBND tỉnh đã phê duyệt phương án đơn giản hóa thành phần hồ sơ, cắt giảm thời gian giải quyết đối với 34 TTHC của 15 sở, ban ngành, trên cơ sở đó ước thực hiện về tiết kiệm thời gian, chi phí... với số tiền: 53,366 tỷ đồng/năm (tỷ lệ chi phí tiết kiệm được từ 38 % đến 61%). Đáng chú ý, UBND tỉnh đã ban hành “Quy chế phối hợp giải quyết các thủ tục hành chính về đầu tư, xây dựng, đất đai, môi trường và phòng cháy chữa cháy trên địa bàn tỉnh”; trong đó, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục đối với các dự án ngoài Khu kinh tế, Khu công nghiệp từ 242 ngày xuống còn 118 ngày (bao gồm công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng); thời gian giải quyết các thủ tục đối với các dự án trong Khu kinh tế, Khu công nghiệp do Ban Quản lý Khu kinh tế được rút ngắn là 60 ngày.

Nhìn chung, công tác tinh giản biên chế của tỉnh được thực hiện tốt, đảm bảo lộ trình, thực hiện giải quyết chế độ, chính sách tinh giản biên chế đã đi vào thực chất gắn với việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, phân loại, đánh giá, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và giải quyết chế độ, chính sách đối với những người dôi dư; công tác cải cách hành chính chú trọng, từ đó góp phần nâng cao nền hành chính và lấy trung tâm phục vụ là người dân.

g) Trong quản lý, sử dụng vốn và tài sản của Nhà nước tại các doanh nghiệp

¹² Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 4327/QĐ-UBND ngày 20/12/2022 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt I năm 2023 đối với 19 cán bộ, công chức, viên chức với tổng số kinh phí là 3.395.514.000 đồng; Quyết định số 1890/QĐ-UBND ngày 29/5/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 đối với 17 cán bộ, công chức, viên chức đủ điều kiện, với tổng số kinh phí là: 2.602.930.000 đồng; Quyết định số 3204/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 (bổ sung) đối với 03 cán bộ, viên chức với kinh phí 357.667.000 đồng; Quyết định số 3570/QĐ-UBND ngày 26/09/2023 phê duyệt danh sách và kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế đợt II năm 2023 (bổ sung) với kinh phí thực hiện chi trả 260.381.000 đồng.

Các doanh nghiệp có vốn nhà nước tại địa phương đã triển khai thực hiện tốt Chương trình hành động về THTK, CLP của tỉnh đề ra. 08/08¹³ doanh nghiệp nhà nước đều xây dựng Quy chế quản lý tài chính được UBND tỉnh phê duyệt, ban hành theo đúng quy định. Ngoài ra, qua kết quả giám sát tài chính năm 2022 và 06 tháng đầu năm 2023 của doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh đều an toàn về tài chính và không có dự án đầu tư kém hiệu quả, không có khả năng phục hồi.

Trong công tác cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước được thực hiện theo lộ trình đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong giai đoạn 2024 - 2025 đối với Công ty cổ phần Dược - Trang thiết bị y tế Bình Định (*thực hiện thoái toàn bộ vốn nhà nước tương ứng với tỷ lệ 13,34% vốn điều lệ*); Công ty cổ phần Khoáng sản Bình Định (*thực hiện thoái toàn bộ vốn nhà nước tương ứng với tỷ lệ 25% vốn điều lệ*). Theo đó, UBND tỉnh đã ban hành kế hoạch cụ thể để thực hiện.

2. Đánh giá chung

a) Ưu điểm

- UBND tỉnh đã chỉ đạo, điều hành, tổ chức thực hiện có hiệu quả quy định của Luật THTK, CLP; các nhiệm vụ, giải pháp đề ra trong Chương trình về THTK, CLP năm 2023 thông qua việc ban hành tiêu chuẩn, định mức và các văn bản chỉ đạo kịp thời, sát thực tiễn, qua đó đạt được nhiều kết quả tích cực trên các lĩnh vực, góp phần quan trọng cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển KT-XH, cơ bản đạt được mục tiêu tổng quát và nhiều chỉ tiêu, nhiệm vụ chủ yếu đã đề ra. Đặc biệt là trong điều hành dự toán ngân sách, kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công bám sát tình hình thực tế.

- Việc tiết kiệm chi thường xuyên các cơ quan hành chính nhà nước; đẩy mạnh tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập đã giúp các đơn vị chủ động trong việc sử dụng biên chế, tài sản và kinh phí một cách hợp lý, tăng cường khai thác nguồn thu để đảm bảo yêu cầu hoạt động của đơn vị, phát triển và mở rộng và nâng cao chất lượng dịch vụ, đầu tư thêm cơ sở vật chất; tạo được những chuyển biến tích cực trong quản lý tài chính, ngân sách ở các cơ quan, đơn vị và tạo ra cơ chế khuyến khích các cơ quan, đơn vị chỉ tiêu có hiệu quả, hướng đến kết quả đầu ra, tiết kiệm ngân sách.

- Việc thực hiện mua sắm tài sản tập trung thông qua hệ thống đấu thầu quốc gia đã phát huy được nhiều ưu điểm đáng kể và lựa chọn được các nhà cung cấp tốt nhất, với chất lượng sản phẩm tối ưu, giá bán hợp lý, dịch vụ bảo hành bảo đảm, góp phần tăng hiệu quả về kinh tế và tiết kiệm, chống lãng phí cho ngân sách nhà nước.

¹³ 05 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ **100%** vốn điều lệ: Công ty TNHH Khai thác công trình thủy lợi Bình Định, Công ty TNHH Xây dựng kiến trúc Bình Định, Công ty TNHH Lâm nghiệp Sông Kôn; Công ty TNHH Lâm nghiệp Quy Nhơn, Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh; 03 doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ **51%** vốn điều lệ: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Bình Định, Công ty cổ phần Môi trường Bình Định, Công ty cổ phần Công viên cây xanh và Chiếu sáng đô thị Quy Nhơn.

- Việc quản lý, khai thác sử dụng đất đai, tài nguyên khoáng sản được chú trọng và có nhiều chuyển biến tích cực trong quy hoạch, kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý vi phạm.

- Qua hoạt động thanh tra, kiểm tra đã kịp thời kiến nghị chấn chỉnh, khắc phục những tồn tại, hạn chế, yếu kém trong công tác quản lý, điều hành, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, góp phần phòng ngừa vi phạm pháp luật “từ sớm, từ xa”; kịp thời phát hiện, kiến nghị xử lý các vi phạm về kinh tế và kiến nghị sửa đổi, bổ sung những bất cập, sơ hở trong quản lý nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu công tác lãnh đạo, điều hành của chính quyền địa phương.

b) Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc THTK, CLP vẫn còn những tồn tại, hạn chế nhất định như:

- Một số đơn vị còn thiếu quan tâm đến việc chỉ đạo thực hiện THTK, CLP tại đơn vị mình và chưa thực hiện nghiêm chế độ thông tin, báo cáo; chất lượng báo cáo còn thấp, chưa làm rõ nguyên nhân, chưa nhận diện hết được lãng phí trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa bàn quản lý để từ đó đề ra biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi kịp thời.

- Việc cấp phép khai thác các loại khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường để phục vụ thi công công trình (như đất san lấp, cát xây dựng) phải thực hiện thủ tục thăm dò, phê duyệt trữ lượng nên mất nhiều thời gian; công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng gặp khó khăn do quy định nhà nước không thu hồi đất mà chủ doanh nghiệp tự thỏa thuận với người sử dụng đất làm gia tăng chi phí, kéo dài thời gian ảnh hưởng đến tiến độ thi công công trình. Bên cạnh đó, các công trình hạ tầng, dân sinh không được đầu tư từ nguồn vốn ngân sách nhà nước phải sử dụng vật liệu thông qua đấu giá quyền khai thác khoáng sản và lập các thủ tục thăm dò, cấp phép khai thác khoáng sản phức tạp, mất nhiều thời gian và không có hiệu quả kinh tế nên dẫn đến tình trạng khai thác đất, cát trái phép vẫn còn tồn tại đối với các địa phương trong tỉnh.

- Việc thực hiện mua sắm tập trung trong thời gian qua mặc dù đã đi vào nề nếp nhưng không tránh khỏi những khó khăn nhất định, đôi lúc chưa đáp ứng kịp thời nhu cầu của đơn vị trực tiếp sử dụng tài sản theo kiến nghị của cử tri nhiều huyện.

- Một số công trình công cộng phục vụ lợi ích cho người dân ở địa phương còn chưa phát huy hết hiệu quả, dẫn đến còn một số trường hợp lãng phí chưa được phát hiện kịp thời, gây bức xúc trong cử tri ở cơ sở.

c) Nguyên nhân

- Công tác THTK, CLP có lúc, có nơi còn hình thức; chống lãng phí chưa được xác định là khâu trọng tâm, then chốt để có giải pháp quyết liệt nên hiệu quả phòng, chống lãng phí chưa đáp ứng được yêu cầu.

- Chưa có định lượng cụ thể của Trung ương trong công tác đánh giá lãng phí nên khó xác định được lãng phí để đánh giá.

- Công tác cải cách hành chính đã được đẩy mạnh nhưng chưa đáp ứng được yêu cầu, tổ chức bộ máy hành chính nhà nước vẫn chưa tinh gọn, nhận thức về THTK, CLP của một bộ phận cán bộ, công chức người dân và doanh nghiệp còn hạn chế, ...

- Quy định pháp luật về cấp phép khai thác mỏ khoáng sản (cấp phép khai thác khoáng sản) là loại hình kinh doanh có điều kiện phải được Nhà nước cấp phép, liên quan đến nhiều lĩnh vực do nhiều ngành quản lý, nhiều quy định pháp luật khác nhau: Luật Khoáng sản, Luật Lâm nghiệp, Luật Quy hoạch, Luật Bảo vệ môi trường, Luật Đất đai,... nên mất nhiều thời gian để hoàn thành hồ sơ khai thác mỏ. Bên cạnh đó, ý thức chấp hành quy định pháp luật về hoạt động khoáng sản của một số doanh nghiệp chưa thật sự tốt, sự phối hợp giữa các Sở, ngành có liên quan với chính quyền địa phương trong bảo vệ khoáng sản chưa khai thác chưa thật sự hiệu quả cao. Chính quyền địa phương, nhất là cấp xã chưa thực hiện tốt công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, do đó vẫn còn tình trạng khai thác trái phép.

- Trong việc mua sắm tập trung vẫn còn một số tồn tại nêu trên, nguyên nhân chủ yếu là do sự chậm trễ trong khâu đăng ký mua sắm tập trung của các đơn vị trực tiếp sử dụng (đặc biệt là các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện), dẫn đến quá trình tổng hợp và lập thủ tục đấu thầu mất nhiều thời gian.

- Một số địa phương, cơ quan, đơn vị chưa giám sát và báo cáo đầy đủ tình hình sử dụng, hoạt động của các công trình công cộng phục vụ người dân ở cơ sở, dẫn đến một số trường hợp gây bức xúc trong dư luận nhưng chưa được xử lý kịp thời

- Việc xử lý trụ sở làm việc, nhà đất thuộc UBND cấp xã quản lý như nhà văn hóa thôn, trụ sở khu phố, trung tâm văn hóa thể thao xã, trung tâm sinh hoạt cộng đồng thôn, xã còn chưa được địa phương quan tâm sâu sát và tham mưu phương án xử lý kịp thời.

III. Nhiệm vụ chủ yếu, giải pháp thực hiện năm 2024

1. Nhiệm vụ tổng quát

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền Luật THTK, CLP, gắn với cuộc vận động “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.

- Căn cứ Chương trình tổng thể của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương về THTK, CLP năm 2024 và Chương trình THTK, CLP năm 2024 của UBND tỉnh, các cấp, cơ quan, đơn vị chủ động ban hành Kế hoạch THTK, CLP với các nội dung, chỉ tiêu cụ thể.

- Tổ chức điều hành dự toán NSNN chủ động, chặt chẽ, bảo đảm kỷ cương, kỷ luật tài chính, ngân sách; phân bổ vốn đầu tư công đảm bảo kế hoạch về tỷ lệ giải ngân và thời gian giải ngân.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch số 50-KH/TU của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 10/01/2019 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ người phát hiện, người tố giác, người

đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; thực hiện kiên quyết các biện pháp thu hồi tiền và tài sản tham nhũng, lãng phí.

- Tăng cường công tác thanh tra và phát hiện xử lý kịp thời các trường hợp gây lãng phí trong hoạt động công vụ, trong sử dụng công trình công cộng.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, hiện đại hóa quản lý, gắn kết THTK, CLP với công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng; tăng cường phối hợp giữa các cơ quan trong THTK, CLP.

2. Nhiệm vụ cụ thể

- Nâng cao vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương, đơn vị sự nghiệp công lập trong việc sử dụng ngân sách nhà nước, trong thực hiện cơ chế tự chủ, đảm bảo chi đúng đối tượng, đúng chế độ, tiết kiệm và có hiệu quả, đồng thời thực hiện tốt công tác công khai việc sử dụng ngân sách, mua sắm, sử dụng tài sản công theo quy định.

- Phát huy vai trò của mỗi cá nhân, cán bộ, công chức, người dân trong THTK, CLP, phát hiện và tố giác những hành vi gây lãng phí, tiêu cực.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 74/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội về đẩy mạnh việc thực hiện chính sách, pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và Nghị quyết số 53/NQ-CP ngày 14/4/2023 của Chính phủ về thực hiện Nghị quyết số 74/2022/QH15 của Quốc hội.

- Trong mua sắm tập trung, các đơn vị có nhu cầu cần chủ động, tổng hợp kịp thời, đúng thời hạn gửi cho cơ quan thực hiện mua sắm, tổ chức đấu thầu kịp thời phục vụ nhu cầu hoạt động các cơ quan, đơn vị.

- Đưa vào chương trình tiết kiệm, chống lãng phí năm 2024 các nhiệm vụ cụ thể về quản lý, khai thác, giám sát khai thác tài nguyên, khoáng sản, tình hình hoạt động của các trụ sở làm việc, cơ sở nhà đất, công trình phục vụ công cộng ở cơ sở, kịp thời phát hiện lãng phí (nếu có), báo cáo cho UBND tỉnh chỉ đạo xử lý dứt điểm.

UBND tỉnh kính báo cáo Bộ Tài chính kết quả thực hiện Luật THTK, CLP năm 2023 và một số giải pháp thực hiện năm 2024./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thanh tra Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K17.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh

DANH MỤC VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH TIẾT KIỆM,
CHỐNG LÃNG PHÍ VÀ VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC,
CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
I	VĂN BẢN CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH LIÊN QUAN ĐẾN THTK, CLP TRÊN CÁC LĨNH VỰC		
1	188/BC-UBND	02/12/2022	Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023
2	196/BC-UBND	05/12/2022	Kiểm điểm công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh Bình Định năm 2022 và nhiệm vụ trọng tâm năm 2023
3	4211/QĐ-UBND	14/12/2022	Ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý, vận hành công trình thủy lợi cho tuyến đê Đông và các đập ngăn mặn trên địa bàn tỉnh Bình Định
4	173/KH-UBND	30/12/2022	Kế hoạch quản lý, sử dụng biên chế của tỉnh giai đoạn 2022 - 2026
5	145/UBND-TH	10/01/2023	Báo cáo Kế hoạch giám sát hoạt động đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp năm
6	257/QĐ-UBND	30/01/2023	Ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của tỉnh Bình Định năm
7	564/UBND-NC	8/2/2023	V/v rà soát chế độ, chính sách liên quan sắp xếp đơn vị hành chính
8	690/UBND-KT	15/02/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý đất đai và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh
9	960/UBND-KT	27/02/2023	Xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật về thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn sinh hoạt
10	945/UBND-KT	27/02/2023	Về việc triển khai định mức kinh tế - kỹ thuật trong quản lý, khai thác công trình
11	989/UBND-TH	28/02/2023	Về việc rà soát, sửa đổi, xây dựng danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước và xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật của tỉnh Bình Định
12	707/QĐ-UBND	9/3/2023	Kế hoạch kiểm tra công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023
13	1493/UBND-TH	17/3/2023	Về việc rà soát, hoàn thiện các văn bản thuộc thẩm quyền ban hành của địa phương về quản lý, sử dụng tài sản công
14	828/QĐ-UBND	19/3/2023	Về việc ban hành Kế hoạch truyền thông về công tác cải cách hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023
15	39/BC-UBND	20/3/2023	Báo cáo công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý I năm 2023
16	1655/UBND-KT	23/3/2023	V/v quản lý, sử dụng xe ô tô chuyên dùng trong lĩnh vực y tế
17	42/BC-UBND	23/3/2023	Tình hình thực hiện công tác thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp quý I/2023
18	03/CT-UBND	03/4/2023	Phát động phong trào thi đua thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2023
19	1948/UBND-VX	05/4/2023	Đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn kéo dài năm 2022 sang năm 2023
20	2072/UBND-TH	10/4/2023	Về việc tham mưu, đề xuất về tình hình vận động, quản lý, sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi
21	2356/UBND-TH	18/4/2023	Về việc tham mưu tăng cường quản lý, thanh toán để đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công nguồn NSNN năm 2023
22	2086/UBND-KT	20/4/2022	Tăng cường quản lý công tác lập quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh
23	2646/UBND-TH	27/4/2023	Về việc tăng cường công tác điều hành thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023
24	2902/UBND-TH	10/5/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý, điều hành giá trên địa bàn tỉnh
25	3007/UBND-KT	15/5/2023	Về việc Tăng cường công tác quản lý hoạt động đấu thầu trên địa bàn tỉnh
26	3123/UBND-KT	17/5/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn thành phố Quy Nhơn
27	3298/UBND-KT	24/5/2023	Về việc tiếp tục tăng cường công tác phối hợp quản lý nhà nước về lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn tỉnh
28	3350/UBND-TH	25/5/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý tài sản kết cấu hạ tầng do Nhà nước đầu tư, quản lý trên địa bàn tỉnh
29	90/BC-UBND	07/6/2023	Kiểm điểm công tác chỉ đạo điều hành 06 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp chỉ đạo điều hành 06 tháng cuối năm 2023
30	3827/UBND-TH	12/6/2023	Về việc tổ chức triển khai việc kiểm tra chuyên đề, thanh tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công trên địa bàn tỉnh
31	99/BC-UBND	20/6/2023	Báo cáo công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định 6 tháng đầu năm 2023
32	105/BC-UBND	22/6/2023	Tình hình thực hiện công tác thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp quý II/2023
33	117/BC-UBND	03/7/2023	Công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, tình hình kinh tế - xã hội 6 tháng đầu năm và nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm 6 tháng cuối năm 2023

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
34	4566/UBND-KT	04/7/2023	Về việc Tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong lĩnh vực khoáng sản trên địa bàn huyện Hoài Ân
35	4792/UBND-KT	11/7/2023	Về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh
36	4818/UBND-KT	12/7/2023	Về việc triển khai các giải pháp tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn tỉnh năm 2023
37	5027/UBND-KSTT	19/7/2023	Về việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ của ngành Thuế để góp phần nâng cao hiệu quả công tác cải cách hành chính và năng lực cạnh tranh của tỉnh
38	5882/UBND-KT	17/8/2023	Về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý Nhà nước trên lĩnh vực khoáng sản
39	6134/UBND-KT	25/8/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý đất đai, xây dựng trên địa bàn huyện Phù Mỹ
40	6329/UBND-KT	31/8/2023	Về việc đề xuất Tăng cường công tác kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ
41	6325/UBND-VX	31/8/2023	Về việc đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023
42	6465/UBND-KT	07/9/2023	Về việc tăng cường công tác kiểm tra, xử lý các phương tiện vận chuyển cát, hàng hóa vi phạm về tải trọng cho phép khi tham gia giao thông
43	154/KH-UBND	07/9/2023	Kế hoạch thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023 - 2025
44	6522/UBND-KT	09/9/2023	Về việc chủ động phối hợp tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh
45	6491/UBND-TH	08/9/2023	Về việc tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy rừng
46	6534/UBND-VX	10/9/2023	Về việc đôn đốc đẩy nhanh tiến độ giải ngân và báo cáo định kỳ giải ngân vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội lĩnh vực y tế, được Trung ương phân bổ cho tỉnh Bình Định
47	5248/UBND-TH	12/9/2022	Tăng cường quản lý tạm ứng vốn đầu tư công nguồn NSNN và đôn đốc kiểm tra, đánh giá thực hiện, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư quá hạn chưa thu hồi nguồn NSNN
48	6626/UBND-KT	13/9/2023	Về xuất tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh
49	6637/UBND-KT	13/9/2023	Về việc tăng cường công tác kiểm soát tải trọng phương tiện giao thông theo Chỉ thị số 32/CT-TTg ngày 25/11/2016 của Thủ tướng Chính phủ.
50	6708/UBND-KT	15/9/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý về phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh
51	6788/UBND-TH	18/9/2023	Rà soát, đẩy nhanh tiến độ giải ngân các nguồn vốn thuộc các Chương trình MTQG trên địa bàn tỉnh
52	172/BC-UBND	20/9/2023	Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định Quý III năm 2023
53	6909/UBND-KT	21/9/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động khoáng sản và xây dựng tại thị xã An Nhơn và các huyện: Tây Sơn, Vân Canh
54	175/BC-UBND	21/9/2023	Tình hình thực hiện công tác thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp quý III/2023
55	6972/UBND-KT	23/9/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý quy hoạch, xây dựng, trật tự xây dựng, trật tự đô thị, chống lấn chiếm đất đai, xây dựng trái phép trên địa bàn TP. Quy Nhơn
56	7021/UBND-KT	25/9/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh
57	6999/UBND-TH	25/9/2023	Về việc tiếp tục tăng cường công tác quản lý, điều hành giá trên địa bàn tỉnh
58	7056/UBND-TH	27/9/2023	Về việc tiếp tục tăng cường công tác điều hành thu, chi ngân sách nhà nước năm
59	7330/UBND-KT	07/10/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh
60	7348/UBND-KT	07/10/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý hoạt động các mỏ vật liệu khoáng sản trên địa bàn tỉnh
61	7452/UBND-VX	11/10/2023	Về việc thực hiện tăng cường công tác quản lý nhà nước về giáo dục.
62	7490/UBND-TH	11/10/2023	Về việc công tác quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan, tổ chức, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
63	7544/UBND-KT	13/10/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý mỏ đất vật liệu san lấp phục vụ thi công các công trình giao thông
64	7723/UBND-NC	18/10/2023	Về việc hoàn thiện Phương án tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính
65	7742/UBND-KT	19/10/2023	Về việc áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật trong lĩnh vực nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh
66	6162/UBND-TH	24/10/2022	Áp dụng định mức kinh tế kỹ thuật và mức hỗ trợ thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững và Phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
67	8721/UBND-TH	18/11/2023	Tập trung hoàn thành hồ sơ, thủ tục, triển khai thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công thuộc Chương trình MTQG phát triển KT-XH vùng đồng bào DTTS&MN
68	9118/UBND-KT	30/11/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn thành phố Quy Nhơn
69	245/BC-UBND	19/12/2023	Công tác cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2023
70	9672/UBND-KT	20/12/2023	Về việc công tác quản lý đất đai có nguồn gốc từ nông, lâm trường quốc doanh
71	9771/UBND-TH	25/12/2023	Về việc tăng cường công tác quản lý thu NSNN, tiết kiệm chi, chủ động điều hành NSNN trong tháng 12/2023 và những tháng đầu năm 2024
II	VĂN BẢN PHÁP LUẬT VỀ TIÊU CHUẨN, ĐỊNH MỨC, CHẾ ĐỘ QUẢN LÝ CHUYÊN NGÀNH		
1	68/2022/QĐ-UBND	12/10/2022	Phê duyệt cơ chế phân bổ nguồn vốn, phương án vay lại vốn vay Ngân hàng thế giới (WB) và kế hoạch trả nợ vay Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)
2	69/2022/QĐ-UBND	26/10/2022	Ban hành Quy chế phối hợp giữa các cơ quan trong công tác thẩm định, kiểm tra công tác nghiệm thu các dự án, công trình thuộc diện thẩm định thiết kế về phòng cháy và chữa cháy, thực hiện phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường được đầu tư xây dựng trên địa bàn tỉnh Bình Định
3	73/2022/QĐ-UBND	30/11/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 64/2020/QĐ-UBND ngày 17 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định phân cấp quản lý, khai thác công trình thủy lợi trên địa bàn tỉnh Bình Định
4	74/2022/QĐ-UBND	16/12/2022	Ban hành Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện dự án đầu tư thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định
5	75/2022/QĐ-UBND	19/12/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi ngân sách nhà nước giữa các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bình Định giai đoạn 2022 - 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 78/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh
6	76/2022/QĐ-UBND	19/12/2022	Ban hành quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định
7	77/2022/QĐ-UBND	19/12/2022	Quy định mức hỗ trợ đối với trẻ mầm non là con công nhân, người lao động làm việc tại các khu công nghiệp, giáo viên mầm non làm việc tại sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục và cơ sở giáo dục mầm non độc lập dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bình Định
8	78/2022/QĐ-UBND	19/12/2022	Quy định nội dung, mức chi khen thưởng cho cán bộ, giáo viên và học sinh trên địa bàn tỉnh Bình Định tham gia các hội thi, kỳ thi, cuộc thi do ngành Giáo dục tổ chức
9	79/2022/QĐ-UBND	19/12/2022	Quy định chính sách khuyến khích đối với học sinh, giáo viên, viên chức quản lý các trường phổ thông chuyên thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Định
10	81/2022/QĐ-UBND	19/12/2022	Ban hành Bảng giá tính lệ phí trước bạ đối với nhà trên địa bàn tỉnh Bình Định
11	82/2022/QĐ-UBND	20/12/2022	Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 42/2019/QĐ-UBND ngày 19/7/2019 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung Điều 1 Quy định một số chính sách thu hút và ưu đãi đối với bác sĩ, dược sĩ giai đoạn 2016 - 2021 ban hành kèm theo Quyết định số 34/2015/QĐ-UBND ngày 01/10/2015 của UBND tỉnh
12	84/2022/QĐ-UBND	20/12/2022	Quy định một số chính sách đối với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn tỉnh Bình Định
13	86/2022/QĐ-UBND	22/12/2022	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Định
14	87/2022/QĐ-UBND	22/12/2022	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 11/2019/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của UBND tỉnh về việc quy định đơn giá tiêu thụ nước sạch nông thôn tại các công trình cấp nước trên địa bàn tỉnh Bình Định
15	89/2023/QĐ-UBND	27/12/2022	Bổ sung một số nội dung vào điểm a, khoản 2, Điều 1 của Quyết định số 35/2014/QĐ-UBND ngày 23/12/2014 của UBND tỉnh về việc điều chỉnh định mức, chi tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng trong vận tải hành khách bằng xe ô tô buýt của Xí nghiệp vận tải khách công cộng Quy Nhơn thuộc Hợp tác xã vận tải Bình Minh.
16	90/2022/QĐ-UBND	28/12/2022	Ban hành Quy định mức hỗ trợ một số nội dung chi theo quy định tại Thông tư số 53/2022/TT-BTC ngày 12 tháng 8 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025
17	92/2022/QĐ-UBND	29/12/2022]	Ban hành Quy định về cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền mặt hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
18	02/2023/QĐ-UBND	06/01/2023	Ban hành Quy định việc quản lý, thanh toán, quyết toán vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước giao cho cộng đồng tự thực hiện xây dựng công trình theo định mức hỗ trợ (bằng hiện vật hoặc bằng tiền) thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định
19	06/2023/QĐ-UBND	20/02/2023	Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn, định mức xe ô tô chuyên dùng trang bị cho các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Bình Định
20	09/2023/QĐ-UBND	13/3/2023	Ban hành Quy định hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Bình Định
21	11/2023/QĐ-UBND	28/3/2023	Quyết định quy định chi phí hỗ trợ chuẩn bị đầu tư, quản lý dự án đối với các dự án đầu tư xây dựng theo cơ chế đặc thù thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 -2025
22	12/2023/QĐ-UBND	31/3/2023	Quy định một số mức chi phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư để giải phóng mặt bằng các dự án, công trình trên địa bàn tỉnh Bình Định
23	13/2023/QĐ-UBND	07/4/2023	Ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021-2025
24	14/2023/QĐ-UBND	11/4/2023	Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2023-2024)
25	15/2023/QĐ-UBND	20/4/2023	Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định lộ trình 02 năm (2023-2024)
26	17/2023/QĐ-UBND	24/4/2023	Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ khuyến khích người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số tham gia học xóa mù chữ thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025
27	19/2023/QĐ-UBND	05/5/2023	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung quy định tại Quyết định số 42/2022/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quy định nội dung, mức chi để tổ chức các kỳ thi, hội thi, cuộc thi trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
28	21/2023/QĐ-UBND	14/5/2023	Ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mồ mã trên địa bàn tỉnh Bình Định năm 2023
29	22/2023/QĐ-UBND	18/5/2023	Quy định giá bán nước sạch sinh hoạt các công trình cấp nước do Nhà máy cấp nước sạch Phù Mỹ quản lý, vận hành
30	23/2023/QĐ-UBND	18/5/2023	Quy định giá bán nước sạch sinh hoạt lộ trình 03 năm (2023 - 2025) đối với Công trình cấp nước 03 xã Khu đồng An Nhơn do Công ty cổ phần Xây lắp An Nhơn quản lý, vận hành
31	24/2023/QĐ-UBND	18/5/2023	Quy định giá bán nước sạch sinh hoạt lộ trình 03 năm (2023 - 2025) đối với Công trình cấp nước của Công ty cổ phần Đầu tư hạ tầng Khu công nghiệp Nhơn Hòa tại phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn, tỉnh Bình Định
32	27/2023/QĐ-UBND	25/5/2023	Bãi bỏ Quyết định số 19/2015/QĐ-UBND ngày 06/8/2015 của UBND tỉnh về việc ủy quyền, phân cấp phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn nhà nước trên địa bàn tỉnh
33	28/2023/QĐ-UBND	12/6/2023	Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn các xã An Hòa, An Tân và thị trấn An Lão, huyện An Lão, tỉnh Bình Định lộ trình 03 năm (2023-2025)
34	29/2023/QĐ-UBND	20/6/2023	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng (trừ máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo) của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
35	30/2023/QĐ-UBND	29/6/2023	Bổ sung khoản 10 Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh
36	31/2023/QĐ-UBND	18/7/2023	Quy định giá bán nước sạch sinh hoạt lộ trình 03 năm (2023 - 2025) đối với công trình cấp nước của Công ty TNHH Thương mại Lý Phương trên địa bàn thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn
37	32/2023/QĐ-UBND	25/7/2023	Ban hành Quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
38	33/2023/QĐ-UBND	26/7/2023	Quy định chính sách hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm y tế cho một số đối tượng trên địa bàn tỉnh Bình Định
39	35/2023/QĐ-UBND	27/7/2023	Ban hành Quy định một số nội dung và mức chi kinh phí sự nghiệp từ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững tỉnh Bình Định, giai đoạn 2021 - 2025
40	36/2023/QĐ-UBND	27/7/2023	Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại khoản 3 Điều 9 của Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 – 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 40/2022/QĐ-UBND ngày 03 tháng 8 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh
41	37/2023/QĐ-UBND	30/7/2023	Sửa đổi, bổ sung một số quy định các loại phí và lệ phí trên địa bàn tỉnh Bình Định
42	38/2023/QĐ-UBND	31/7/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 77/2021/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương năm 2022 trên địa bàn tỉnh Bình Định
43	40/2023/QĐ-UBND	01/8/2023	Quy định giá sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi năm 2023 trên địa bàn tỉnh Bình Định
44	41/2023/QĐ-UBND	02/8/2023	Quyết định bãi bỏ một phần của Quy định chính sách trợ cấp đối với cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo kèm theo Quyết định số 41/2019/QĐ-UBND ngày 19 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh
45	42/2023/QĐ-UBND	07/8/2023	Quy định một số chính sách đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định đạt thành tích xuất sắc tại các giải thể thao trong nước và quốc tế
46	43/2023/QĐ-UBND	07/8/2023	Ban hành Quy định chế độ dinh dưỡng, tiền công huấn luyện, tập luyện thường xuyên và chế độ tiền thưởng đối với huấn luyện viên, vận động viên thể thao tỉnh Bình Định
47	51/2023/QĐ-UBND	21/8/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bình Định ban hành kèm theo Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh
48	52/2023/QĐ-UBND	21/8/2023	Về kiện toàn, củng cố mạng lưới thú y cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Định
49	53/2023/QĐ-UBND	23/8/2023	Bổ sung khoản 10a Điều 40 của Quy định kèm theo Quyết định số 23/2019/QĐ-UBND ngày 04 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định
50	54/2023/QĐ-UBND	25/8/2023	Bổ sung Điều 6a của Quy định kèm theo Quyết định số 41/2021/QĐ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất thực hiện dự án Khu du lịch khách sạn nghỉ dưỡng Vĩnh Hội thuộc Khu kinh tế Nhơn Hội, tỉnh Bình Định
51	55/2023/QĐ-UBND	07/9/2023	Quy định chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn tỉnh Bình Định đến năm 2025
52	58/2023/QĐ-UBND	22/9/2023	Bãi bỏ điểm a khoản 2 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 49/2021/QĐ-UBND ngày 11/8/2021 của UBND tỉnh Bình Định Ban hành quy định về quản lý giá và điều tiết giá trên địa bàn tỉnh Bình Định
53	59/2023/QĐ-UBND	22/9/2023	Quy định giá tối đa dịch vụ thu gom, vận chuyển rác thải sinh hoạt trên địa bàn huyện Hoài Ân, tỉnh Bình Định lộ trình 03 năm (2023-2025)
54	60/2023/QĐ-UBND	28/9/2023	Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định Nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ nguồn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Bình Định giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 ban hành kèm theo Quyết định số 37/2022/QĐ-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2022 của UBND tỉnh
55	61/2023/QĐ-UBND	29/9/2023	Quy định định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng, hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Bình Định
56	63/2023/QĐ-UBND	06/10/2023	Ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực y tế của các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bình Định
57	64/2023/QĐ-UBND	16/10/2023	Ban hành quy định định mức hỗ trợ thực hiện một số dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025
58	79/2023/QĐ-UBND	15/12/2023	Quy định hệ số điều chỉnh giá đất để xác định giá đất tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất trên địa bàn tỉnh Bình Định

TT	Số văn bản	Ngày, tháng	Trích yếu
59	80/2023/QĐ-UBND	16/12/2023	Ban hành Bảng giá tính thuế tài nguyên và hệ số quy đổi một số loại tài nguyên trên địa bàn tỉnh Bình Định
60	84/2023/QĐ-UBND	19/12/2023	Ban hành quy định chức danh, mức phụ cấp, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, khu phố; mức hỗ trợ, mức phụ cấp kiêm nhiệm đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, khu phố và mức khoán kinh phí hoạt động của tổ chức chính trị - xã hội cấp xã trên địa bàn tỉnh
61	87/2023/QĐ-UBND	20/12/2023	Ban hành quy định mức chi tiền thưởng trong các hoạt động văn nghệ, thể thao quần chúng trên địa bàn tỉnh Bình Định

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
2.1	Số lượng các tài sản khác được thanh lý, sắp xếp, điều chuyển, thu hồi	tài sản						
2.2	Số lượng tài sản trang bị, sử dụng sai mục đích, sai chế độ phát hiện được	tài sản						
2.3	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng tài sản	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
IV	Trong đầu tư xây dựng; quản lý, sử dụng trụ sở làm việc, nhà ở công vụ và công trình phúc lợi công cộng							
1	Trong đầu tư xây dựng							
1.1	Số lượng dự án chưa cần thiết đã cắt giảm	dự án						
1.2	Số kinh phí tiết kiệm được	triệu đồng	76.275	76.275	77.836	102,0	102,0	
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng	13.362	13.362	13.509	101,1	101,1	
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng	31.788	31.788	32.424	102,0	102,0	
	- Thẩm tra phê duyệt quyết toán	triệu đồng	31.124	31.124	31.902	102,5	102,5	
	- Thực hiện đầu tư thi công	triệu đồng						
1.3	Số vốn chậm giải ngân so với kế hoạch	triệu đồng		-				
1.4	Các dự án thực hiện chậm tiến độ	dự án						
1.5	Các dự án hoàn thành không sử dụng được hoặc có vi phạm pháp luật bị đình chỉ, hủy bỏ							
	Số lượng	dự án						
	Giá trị đầu tư phải thanh toán	triệu đồng						
2	Trụ sở làm việc							
2.1	Tổng diện tích trụ sở hiện có đầu kỳ	m ²	1.973.232		1.973.232	100,0		
2.2	Diện tích trụ sở tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²	5.018		5.018	100,0		
2.3	Diện tích trụ sở giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²	1.006		1.006			
2.4	Diện tích trụ sở sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
2.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
2.6	Số tiền xử lý vi phạm, thanh lý trụ sở thu được	triệu đồng		-				
3	Nhà công vụ							
3.1	Tổng diện tích nhà công vụ hiện có đầu kỳ	m ²						
3.2	Diện tích nhà công vụ tăng thêm do xây dựng, mua mới, nhận điều chuyển	m ²						
3.3	Diện tích nhà công vụ giảm do thanh lý, điều chuyển, sắp xếp lại	m ²						
3.4	Diện tích nhà công vụ sử dụng sai mục đích, sai tiêu chuẩn, chế độ	m ²						
3.5	Diện tích trụ sở sử dụng sai chế độ đã xử lý	m ²						
3.6	Số tiền xử lý vi phạm về quản lý, sử dụng nhà công vụ	triệu đồng		-				
4	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên							
1	Quản lý, sử dụng đất							
1.1	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, bỏ hoang hóa, có vi phạm pháp luật	m ²		-				
1.2	Diện tích đất sử dụng sai mục đích, vi phạm pháp luật, bỏ hoang hóa đã xử lý, thu hồi	m ²		-				
1.3	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		-				
1.4	Các nội dung khác							
2	Quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên khác							
2.1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên	vụ		-				
2.2	Số tiền xử phạt, xử lý vi phạm thu được	triệu đồng		-				
3	Các dự án tái chế, tái sử dụng tài nguyên, sử dụng năng lượng tái tạo được							
3.1	Số lượng dự án mới hoàn thành đưa vào sử dụng	dự án		-				
3.2	Số tiền dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt	triệu đồng		-				
3.3	Năng lượng, tài nguyên dự kiến tiết kiệm được theo dự án được duyệt							
4	Các nội dung khác							
VI	Trong tổ chức bộ máy, quản lý, sử dụng lao động và thời gian lao động, cải cách hành chính trong khu vực nhà nước							
1	Số lượng vụ việc vi phạm trong quản lý, đào tạo, sử dụng lao động, thời gian lao động	vụ						
2	Số tiền xử lý vi phạm thu được	triệu đồng						
3	Các nội dung khác							
V	Trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước tại doanh nghiệp							
1	Tiết kiệm chi phí, giá thành sản xuất kinh doanh							
1.1	Tiết kiệm nguyên, vật liệu	triệu đồng	200	200	250	125,0	125,0	
1.2	Tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng		58	58	77	132,9	132,9	
	- Tiết kiệm điện	Kw/h	4.439	4.439	4.839	109,0	109,0	
	- Tiết kiệm xăng, dầu	Tấn (lít)	2.325	2.325	2.681	115,3	115,3	

	Nội dung	ĐVT	Kết quả của năm trước	Kế hoạch của năm báo cáo	Kết quả năm báo cáo	So sánh với năm trước và kế hoạch		Ghi chú
						So sánh với năm trước	So sánh với kế hoạch	
1	2	3	4	5	6	7=6/4	8=6/5	9
1.3	Tiết kiệm chi phí quản lý	triệu đồng	50	50	72	144,0	144,0	
1.4	Tiết kiệm do áp dụng khoa học, công nghệ, sáng kiến, cải tiến kỹ thuật	triệu đồng		-				
1.5	Chi phí tiết giảm đã đăng ký	triệu đồng						
1.6	Chi phí tiết giảm đã thực hiện	triệu đồng	412	412	490	118,9	118,90	
2	Quản lý đầu tư xây dựng							
2.1	Tổng số dự án đầu tư, xây dựng đang thực hiện	dự án						
2.2	Số lượng dự án thực hiện đúng tiến độ, có hiệu quả	dự án						
	Chi phí đầu tư tiết kiệm được, bao gồm:	triệu đồng						
	- Thẩm định, phê duyệt dự án, tổng dự toán	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đấu thầu, chào hàng cạnh tranh...	triệu đồng		-				
	- Thực hiện đầu tư, thi công	triệu đồng		-				
	- Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	triệu đồng		-				
2.3	Lãng phí, vi phạm, thất thoát vốn							
	- Số lượng dự án chậm tiến độ, có lãng phí, vi phạm pháp luật	dự án						
	- Số tiền bị thất thoát, lãng phí, vi phạm pháp luật	triệu đồng						
2.4	Các nội dung khác							
3	Sử dụng các nguồn kinh phí được cấp từ NSNN							
	- Số tiền tiết kiệm được	triệu đồng		-				
	- Số tiền chậm giải ngân, quyết toán so với thời hạn được duyệt	triệu đồng		-				
	- Số tiền sử dụng sai chế độ, lãng phí	triệu đồng		-				
4	Mua sắm tài sản, phương tiện							
4.1	Mua sắm, trang bị xe ô tô con							
	Số lượng xe đầu kỳ	chiếc	11	-	11	100,0		
	Số lượng xe tăng trong kỳ (mua mới)	chiếc	-	-	-			
	Số tiền mua mới xe ô tô trong kỳ	triệu đồng	-	-	-			
	Số lượng xe giảm trong kỳ (thanh lý, chuyển nhượng)	triệu đồng	-	-	-			
	Số tiền thu hồi do thanh lý, chuyển nhượng	triệu đồng	-	-	-			
4.2	Trang bị xe ô tô con sai tiêu chuẩn, chế độ							
	Số lượng xe mua sắm, trang bị sai chế độ	chiếc		-				
	Số tiền mua xe trang bị sai chế độ	triệu đồng		-				
5	Nợ phải thu khó đòi							
	Số đầu kỳ	triệu đồng	3.019		3.019	100,0		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.204		3.204	100,0		
6	Vốn chủ sở hữu							
	Số đầu năm	triệu đồng	3.607.375		3.607.375	100,0		
	Số cuối kỳ	triệu đồng	3.610.885		3.610.885	100,0		

PHỤ LỤC SỐ 06
BẢNG TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HÀNH TIẾT KIỆM,
CHỐNG LÃNG PHÍ TRONG CHI THƯỜNG XUYÊN TỈNH BÌNH ĐỊNH
NĂM 2023

(Kèm theo Báo cáo số /BC-UBND ngày /02/2024 của UBND tỉnh)

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	Tổng cộng (A+B+C+D+E)	100	96,6
A.	Công tác chỉ đạo, điều hành trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Xây dựng chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	6	6
1	Sự kịp thời trong việc ban hành Chương trình thực hành tiết kiệm, chống lãng phí hàng năm của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	3	3
-	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	3	3
-	Sau từ 31 - 60 ngày kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	2	
-	Sau từ 61 ngày trở lên kể từ ngày Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ được thông qua	1	
-	Không ban hành	0	
2	Sự phù hợp với Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên bằng hoặc cao hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	3	3
-	Đề ra mức chỉ tiêu thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên thấp hơn chỉ tiêu trong Chương trình tổng thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí của Chính phủ	0	
II	Ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	4	4

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
1	Có ban hành, trong đó có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	4	4
2	Có ban hành nhưng không có nội dung chỉ đạo, điều hành về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	2	
3	Không ban hành	0	
B	Kết quả cụ thể về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên	40	36,6
I	Chi các đoàn đi công tác nước ngoài và đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	5	1,6
II	Kết quả tiết kiệm dự toán chi thường xuyên (loại trừ số kinh phí đã thực hiện tiết kiệm để cải cách tiền lương)	20	20
1	Tiết kiệm dưới 5% so với dự toán kinh phí được giao	10	
2	Tiết kiệm trên 5% đến 9% so với dự toán kinh phí được giao	15	
3	Tiết kiệm trên 9% so với dự toán kinh phí được giao	20	20
III	Thực hiện khoán kinh phí sử dụng xe ô tô đối với các chức danh được sử dụng xe ô tô; để đưa đón từ nơi ở đến nơi làm việc và đi công tác theo quy định pháp luật của cấp có thẩm quyền	5	5
	Đã thực hiện khoán	5	5
	Chưa thực hiện khoán	0	
IV	Kết quả thực hiện chỉ tiêu giảm biên chế hành chính và biên chế sự nghiệp hưởng lương từ ngân sách nhà nước theo kế hoạch, chỉ tiêu được cấp có thẩm quyền giao	10	10
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	10	10
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
C	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	30	30

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
	trong chi thường xuyên của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp		
I	Kết quả chấm điểm của các đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp	15	15
1	Trên 80% số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	15	15
2	Từ 50%- 80 % số đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	12	
3	Từ 20% đến dưới 50% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	9	
4	Dưới 20% đơn vị dự toán ngân sách cấp dưới trực tiếp có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đạt 80 điểm trở lên	6	
II	Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của địa phương thuộc loại hình tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và tự bảo đảm chi thường xuyên: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chỉ tiêu tỷ lệ % đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư và đơn vị tự bảo đảm chi thường xuyên để làm căn cứ chấm điểm chỉ tiêu này.	15	15
	Thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	15	15
	Không thực hiện đúng kế hoạch, chỉ tiêu theo quy định	0	
D	Kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên của ngân sách cấp huyện	10	10
1	Trên 80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	10	10
2	Từ 50%-80% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	8	

STT	Nội dung/Tiêu chí/Tiêu chí thành phần	Điểm tối đa	Điểm tự đánh giá
3	Từ 20% đến dưới 50% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	6	
4	Dưới 20% ngân sách cấp huyện có kết quả thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong chi thường xuyên đạt 80 điểm trở lên	4	
E.	Hoạt động tuyên truyền, phổ biến, kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	10	10
I	Tuyên truyền, phổ biến về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	5	5
1	Xây dựng kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch tuyên truyền, phổ biến trong thực hành tiết kiệm, chống lãng phí	3	3
II	Hoạt động kiểm tra, thanh tra thực hành tiết kiệm, chống lãng phí đối với các đơn vị trực thuộc	5	5
1	Ban hành kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	2	2
2	Mức độ thực hiện kế hoạch kiểm tra, thanh tra.	3	3